

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 27-6-2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tân;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đà;

Ông Lương Hữu Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH một thành viên A. Địa chỉ trụ sở chính: số A, phường VTS, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông YT, chức vụ Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông AT, chức vụ Giám đốc điều hành cấp cao Bộ phận Thẩm định và Quản lý Công nợ.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Võ Việt Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2023) (có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 30/11/2002. Địa chỉ: ấp GĐ, xã ĐA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2022, bản tự khai ngày 13/6/2023 quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH một thành viên A (gọi tắt là J) là anh Võ Việt Q trình bày: Ngày 11/5/2022 chị Nguyễn Thị Tuyết L ký Hợp đồng số 20590002810899*** với J vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng, thời hạn vay 24 tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng 2.183.758 đồng, số tiền vay 32.520.000 đồng, lãi xuất năm 50,1266%. Đã thanh toán gốc 787.517 đồng, lãi 1.384.483 đồng, phí quản lý vay 12.000 đồng. Tổng cộng 2.184.000 đồng. Dư nợ còn lại 31.732.843 đồng, lãi 3.050.555 đồng, lãi quá hạn 31.191 đồng, phí quản lý khoản vay 36.000 đồng. Tổng cộng 34.850.229 đồng.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì chị L có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng chị L phải thanh toán cho J số tiền là 2.183 758 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 13/6/2022.

Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 12/7/2022 chị L thanh toán cho J số tiền là 2.184.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 12/07/2022 đến nay, chị L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình né tránh, mặc dù J đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu chị L thanh toán và nhiều lần đến nhà yêu cầu chị L thanh toán, tính đến ngày 27/6/2023 chị L còn nợ bằng 49.675.686 đồng (trong đó nợ gốc 31.732.483 đồng, lãi trong hạn đến ngày 27/6/2023 là 16.516.535 đồng, lãi quá hạn đến ngày 27/6/2023 là 1.270.668 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng). Nay Công ty yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Tuyết L trả nợ số tiền vay gốc 31.732.483 đồng, lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 16.516535 đồng, lãi quá hạn 1.270.668 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng, tổng cộng 49.675.686 đồng và lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 28/6/2023 cho đến khi hết nợ và đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2023, quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày: Chị có nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú có liên quan đến Công ty Tài chính TNHH một thành viên A khởi kiện. Nguyên trước đây ngày 11/5/2022 chị có ký hợp đồng vay trả góp với Công ty để mua xe, chị đã đóng gốc và lãi được 2.183.758 đồng. Nhưng từ tháng 8/2022 đến nay chị không trả vốn và lãi cho Công ty nên đã vi phạm theo hợp đồng. Nay với yêu cầu khởi kiện của Công ty về số tiền gốc, lãi và lãi suất phát sinh về sau thì chị đồng ý trả nhưng xin trả từ từ và ngày 09/02/2023 chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt lý do đi làm ăn xa.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Theo hợp đồng tín dụng số 20590002810899*** của Nguyễn Thị Tuyết L với J vay tiền để mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng, thời hạn vay 24 tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng 2.183.758 đồng, số tiền vay 32.520.000 đồng, lãi suất năm 50,1266%. Chị L đã thanh toán gốc 787.517 đồng, lãi 1.384.483 đồng, phí quản lý vay 12.000 đồng, tổng cộng 2.184.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại 31.732.483 đồng, lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 16.516.535 đồng, lãi quá hạn 1.270.668 đồng, phí khoản vay 156.000 đồng, tổng cộng 49.675.686 đồng đã được Công ty Tài chính TNHH một thành viên A gọi điện thoại yêu cầu chị L thanh toán và nhiều lần đến nhà yêu cầu nhưng chị L chưa thanh toán nên Công ty khởi kiện đến Tòa án thụ lý giải quyết, chị L thừa nhận nợ theo hợp đồng và đồng ý trả số nợ nói trên và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Công ty kiện yêu cầu chị L trả số tiền vay tiền gốc 31.732.483 đồng, lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 16.516.535 đồng, lãi quá hạn 1.270.668 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng, tổng cộng 49.675.686 đồng và lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 28/6/2023 cho đến khi hết nợ đã nói trên là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và Nghị Quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên A số tiền 49.675.686 đồng (trong đó nợ gốc 31.732.483 đồng, lãi trong hạn đến ngày 27/6/2023 là 16.516.535 đồng, lãi quá hạn đến ngày 27/6/2023 là 1.270.668 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền vay theo hợp đồng.

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay gốc và lãi, phí theo Hợp đồng tín dụng số 20590002810899*** ngày 11 tháng 5 năm 2022 nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L thừa nhận ngày 11/5/2022 chị có ký hợp đồng vay trả góp với Công ty Tài chính TNHH một

thành viên A để mua xe, chị đã đóng gốc và lãi được 2.183.758 đồng. Nhưng từ tháng 8/2022 đến nay chị không trả vốn và lãi cho Công ty nên đã vi phạm theo hợp đồng. Nay với yêu cầu khởi kiện của Công ty về số tiền gốc, lãi và lãi suất phát sinh về sau thì chị đồng ý trả nhưng xin trả từ từ. Phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH một thành viên A yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Tuyết L trả nợ số tiền vay gốc 31.732.483 đồng, lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 16.516.535 đồng, lãi quá hạn 1.270.668 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng, tổng cộng 49.675.686 đồng và lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 28/6/2023 cho đến khi hết nợ. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét đề nghị giải quyết về nội dung vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bằng 2.483.785 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 92; khoản 1, Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH một thành viên A (gọi tắt J).

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên A số tiền 49.675.686 đồng (trong đó nợ gốc 31.732.483 đồng, lãi trong hạn đến ngày 27/6/2023 là 16.516.535 đồng, lãi quá hạn đến ngày 27/6/2023 là 1.270.668 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng).

Kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20590002810899000 ngày 11 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam JACCS (gọi tắt JIVF) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 2.483.785 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Tài chính TNHH một thành viên A không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên A số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 870.000 đồng theo biên lai thu số 0012707 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tấn